

KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GỢI Ý GIẢI PHÁP NÂNG CAO VẬN DỤNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI DOANH NGHIỆP

TS. Ngô Thị Thu Hương* - Ths. Nguyễn Thị Mai Hương*

Trách nhiệm xã hội của DN là một xu hướng tất yếu mang tính toàn cầu. Nó được sử dụng như một “luật lệ” mà các DN thực hiện tăng trưởng, phát triển bền vững cần phải tuân thủ. Trước khi TNXH của DN được chính thức được luận bàn vào những năm 1950 trở lại đây thì sự quan tâm đến những hậu quả nảy sinh từ các hoạt động của DN nói riêng và các hoạt động kinh tế nói chung đã xuất hiện từ lâu trên thế giới. Nhóm tác giả nghiên cứu kế toán trách nhiệm xã hội một số điển hình tại các quốc gia trên thế giới bao gồm kế toán trách nhiệm xã hội tại Mỹ, Anh, cộng đồng chung Châu Âu và đề xuất bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

• Từ khóa: kế toán trách nhiệm, doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội; giải pháp cho Việt Nam.

Corporate social responsibility is an inevitable global trend. It is used as a “rule” that businesses implementing sustainable growth and development must comply with. Before corporate social responsibility was officially discussed in the 1950s, the concern about the consequences arising from business activities in particular and economic activities in general had long existed in the world. The group of authors studied social responsibility accounting in some typical countries around the world, including social responsibility accounting in the US, UK, and the European Community, and proposed lessons for Vietnam.

• Key words: responsibility accounting, business, social responsibility; solutions for Vietnam.

Ngày gửi bài: 13/6/2025

Ngày gửi phản biện: 20/6/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 30/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 29/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i296.21>

Đặt vấn đề

Hoạt động của DN gắn liền với thực hiện TNXH là một xu thế tất yếu, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. TNXH của DN không chỉ có ý nghĩa đối với phát triển xã hội, bảo vệ môi trường mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển lâu dài của bản thân DN. Các nghiên cứu và dẫn chứng thực tế đã cho thấy, DN nào thực hiện tốt TNXH của DN thì lợi ích của họ không những không giảm đi mà còn tăng thêm (Phạm Văn Đức, 2010). Ngoài việc xây dựng niềm tin với cộng đồng và đem lại cho công ty một lợi thế trong việc thu hút khách hàng và nhân viên giỏi, hành động có trách nhiệm đối với người lao động và những đối

tượng khác trong xã hội có thể giúp xây dựng giá trị cho công ty và cộng đồng của họ (Hohnen, 2007).

1. Kế toán trách nhiệm xã hội tại một số quốc gia phát triển trên thế giới

* Kế toán TNXH tại Mỹ

Hiện tại, tại Mỹ, các công ty đại chúng trong nước cũng như các doanh nghiệp niêm yết nước ngoài niêm yết tại thị trường chứng khoán Mỹ thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội (hay kế toán bền vững) dựa trên các chuẩn mực kế toán hướng dẫn lập và trình bày báo cáo TNXH được xây dựng bởi Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (SASB). SASB là một tổ chức phi lợi nhuận của Hoa Kỳ được thành lập vào năm 2011 để phát triển và phổ biến các tiêu chuẩn kế toán bền vững, chủ yếu chú ý đến các tập đoàn Hoa Kỳ. Theo quy định hiện tại, các doanh nghiệp niêm yết phải nộp các tài liệu, báo cáo hàng năm dựa trên cơ sở hướng dẫn của bộ chuẩn mực của SASB cho ủy ban chứng khoán Mỹ (SEC). Những tài liệu này được công bố rộng rãi cho công chúng. (Deegan, 2019).

Bộ chuẩn mực được xây dựng bởi SASB dựa trên cơ sở nhằm giúp các nhà đầu tư hiểu rõ hơn các thông tin đối với các bên liên quan, gắn liền với trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, từ đó giúp người sử dụng thông tin có thêm cơ sở đánh giá những rủi ro và cơ hội mà doanh nghiệp đang phải đối mặt. Cuối cùng, giúp họ xem xét đánh giá những tác động đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp (Deegan, 2019). Một trong những đặc điểm tích cực của các chuẩn mực ban hành bởi SASB đó là việc nhận diện những nội dung được xem là phù hợp với các nhà đầu tư cho các doanh nghiệp ở từng lĩnh vực. Theo đó, đã có 79 lĩnh vực khác nhau được phân loại và xếp theo 11 ngành gồm: Chăm sóc sức khỏe; Tài chính; Công nghệ và truyền thông; Tài nguyên không tái tạo; Vận tải; Dịch

* Học viện Ngân hàng

vụ; Chuyển đổi nguồn lực; Tiêu dùng I; Tiêu dùng II; Tài nguyên và năng lượng tái tạo; và Cơ sở hạ tầng. Ví dụ, trong ngành vận tải, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hàng không cần tập trung cung cấp những thông tin được mô phỏng như bảng dưới đây:

Bảng 1.1. Các thông tin TNXH các DN hàng không cần công bố

Nội dung	Thông tin TNXH công bố	Thông tin	Đơn vị đo lường	Code
Khí thải nhà kính	Tổng phát thải phạm vi toàn cầu 1	Định lượng	Mét tấn (t) CO2-e	TR-AL-110a.1
	Thảo luận về chiến lược hoặc kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để quản lý phát thải Phạm vi 1, các mục tiêu giảm phát thải và phân tích hiệu quả hoạt động so với các mục tiêu đó	Thảo luận và phân tích	n/a	TR-AL-110a.2
	(1) Tổng nhiên liệu đã tiêu thụ	Định lượng	Giga Joules (GJ)	TR-AL-110a.3
	(2) Tỷ lệ nhiên liệu thay thế		Tỷ lệ (%)	
	(3) Tỷ lệ bền vững			
Lao động	Tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động được bảo hiểm theo các thỏa thuận liên đoàn	Định lượng	Tỷ lệ (%)	TR-AL-310a.1
	(1) Số lần ngừng việc và (2) Tổng số ngày ngừng hoạt động	Định lượng	Số, số ngày nghỉ	TR-AL-310a.2
Ứng xử về cạnh tranh	Tổng số tiền thiệt hại do quá trình tố tụng liên quan đến các quy định về hành vi chống cạnh tranh	Định lượng	Đơn vị tiền tệ	TR-AL-520a.1
Quản trị an toàn và tai nạn	Mô tả thực hiện và kết quả của hệ thống quản lý an toàn	Thảo luận và phân tích	n/a	TR-AL-540a.1
	Số lượng vụ tai nạn	Định lượng	Số	TR-AL-540a.2
	Số lượng các hành động tuân thủ quy định Chính phủ đối với các quy định an toàn hàng không	Định lượng	Số	TR-AL-540a.3

Nguồn: Sustainability Accounting Standards Board, Airlines (2018)

Một cách tiếp cận khác trong việc thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội, theo Sprinkle và Maines (2010), mà nhiều doanh nghiệp tại Mỹ đã và đang áp dụng đó là nhận diện, đo lường và báo cáo thông tin trách nhiệm xã hội trên cơ sở các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội. Các tác giả chỉ ra rằng, các hoạt động trách nhiệm xã hội bao gồm một loạt các hoạt động tập trung vào sự công bằng giữa các bên liên quan khác không chỉ là các nhà đầu tư, như các tổ chức, cộng đồng từ thiện, người lao động, nhà cung cấp, khách hàng, và thể hệ tương lai.

Một số các hoạt động TNXH điển hình mà các doanh nghiệp tại Mỹ đã và đang thực hiện như: hoạt động tài trợ tiền cho “quỹ y tế xuyên quốc gia”, tài trợ tủ lạnh và máy sưởi cho mỗi gia đình được xây dựng ở Bắc Mỹ của công ty Whirlpool; chương trình cho phép người lao động sử dụng một ngày làm việc để tham gia các hoạt động tình nguyện tại địa phương của Eli Lilly, các hoạt động đồng hành trong các chương trình, chính sách nhằm đảm bảo an toàn lao động và công bằng nơi làm việc (ví dụ công ty McDonald đưa ra có quy tắc ứng xử cung cấp các yêu cầu về điều kiện làm việc công bằng và an toàn cho nhân viên của nhà cung cấp và sử dụng các chuyên gia độc lập để đánh giá nhà cung cấp về việc tuân thủ quy tắc ứng xử); các hoạt động đáp ứng nhu cầu của khách hàng và bảo vệ các thể hệ tương lai (công ty Procter và Gamble làm hài lòng khách hàng bằng cách thực hiện những cải tiến phát triển bền vững, cắt giảm đóng gói, giảm thiểu tiêu thụ nước và năng lượng); các hoạt động thực hiện “sản xuất xanh” nhằm bảo toàn năng lượng, giảm thiểu khí thải, tái chế nguyên vật liệu, giảm thiểu

nguyên vật liệu đóng gói, sử dụng nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào của các nhà cung cấp gần với cơ sở sản xuất (ví dụ như Wal-Mart sử dụng nguồn phụ đề sưởi ấm và làm mát ca-bin xe tải trong những lần dừng nghỉ bắt buộc nhằm giảm khí thải CO₂ từ các phương tiện vận tải, hay Hewlett-Packard cung cấp hộp mực tái chế miễn phí cho khách hàng, hay Staples cung cấp các ưu đãi lớn hơn cho việc tái chế bằng cách cung cấp cho khách hàng \$3 phần thưởng Staples cho mỗi hộp mực được trả lại).

* Kế toán TNXH tại Anh

Những tổ chức nghề nghiệp kế toán chuyên nghiệp, chính phủ Anh đã có những hành động nhằm khuyến khích mạnh mẽ các tổ chức trong việc đo lường, quản trị và báo cáo những tác động của những rủi ro môi trường, những tác động xã hội bên ngoài và những tác động kinh tế. Những tác động tiêu cực đến môi trường liên quan đến hoạt động cũng như các sản phẩm của DN được trình bày như các khoản nợ tiềm tàng - cần được kế toán dưới góc độ tài chính càng nhiều càng tốt. Tại Anh, diễn đàn cho tương lai đã đi tiên phong trong việc phát triển kế toán tác động đến môi trường bên ngoài, đã được một số các DN hàng đầu của Anh áp dụng và triển khai như Marks và Spencers, AWG, Wessex Water...

Gần đây, các DN dầu lửa của Anh (BP) đã hợp tác với trường ĐH Aberdeen (Mỹ) để phát triển mô hình đánh giá TNXH (SAM) - được xem là một công cụ để theo dõi những tác động lên xã hội bên ngoài đáng kể (bao gồm tác động đến XH). Sự vận dụng ở một số doanh nghiệp khác có thể thấy được từ việc thực hiện các khoản nợ cho những tác động xã hội hoặc sự tính toán những góc độ cụ thể liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của các sản phẩm. Theo đó, mô hình đo lường TNXH xem xét những tác động xã hội của một dự án phát triển năng lượng dầu khí và nhận diện 3 thành phần của tác động xã hội:

Thứ nhất, lợi ích và chi phí xã hội gắn với lao động: Là những giá trị trực tiếp được tạo ra và sự định lượng về những tác động sức khỏe cũng như an toàn của những công việc này. Nội dung này được diễn giải như một ước tính về hoạt động kinh tế được tạo ra bao nhiêu dựa trên bội số những tác động của việc sử dụng các khoản lương đã trả trong nền kinh tế.

Thứ hai, lợi ích xã hội của thuế DN: Thành phần này dựa trên những lợi ích XH bên ngoài phát sinh từ các khoản thuế đã nộp trong suốt vòng đời của dự án. Các khoản thuế đã nộp được phân chia trên cơ sở mô hình tỷ lệ chi tiêu của Chính phủ Vương quốc Anh cho các hoạt động xã hội (ví dụ: y tế, giáo dục). Một loạt các yếu tố bội số thuế được ước tính dựa trên lợi ích xã hội trung bình phát sinh từ chi tiêu thuế trong từng loại.

Thứ ba, những lợi ích xã hội của sản phẩm: Ba tiện ích được tạo ra từ sản phẩm dầu khí gồm: khả năng dễ vận chuyển, sưởi ấm và các sản phẩm được sản xuất có đầu vào từ dầu (gồm có: dược, nhựa và hóa học

khác). Việc đưa ra một ví dụ về tính dễ vận chuyển, thì cả những tác động bên ngoài tiêu cực và tích cực đều dễ nhận diện được. Tác động tích cực được đo lường bởi chênh lệch giữa giá dầu thô và giá hiện hành tại nơi của của người tiêu dùng (Hay nói cách khác đó là sự ước tính thẳng dư khách hàng). Trong khi đó, tác động tiêu cực là những chi phí xã hội khi vận chuyển liên quan đến chi phí từ những vụ tai nạn trên đường và tắc nghẽn giao thông (Samson và cộng sự, 2001).

Bảng 1.3. Tác động kinh tế trực tiếp và gián tiếp đối với kinh tế địa phương (1000USD)

Những tác động trực tiếp (bên trong)		Những tác động gián tiếp (bên ngoài)	
Chính phủ: Thuế phí đã nộp	346		
Các nhà cung cấp: Tổng dịch vụ, hàng hóa đã mua	20.000	Hệ số nhà cung cấp thông qua thương mại bán buôn và bán lẻ	22.000
Người lao động: Lương và các khoản theo lương Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	10.000		
Cộng đồng xã hội: các khoản tài trợ, quyền góp, ủng hộ			

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Habek và Wolniak (2016) cho thấy trong số các quốc gia ở Châu Âu, phần lớn các doanh nghiệp tại Anh trình bày thông tin kế toán trách nhiệm xã hội trong báo cáo trách nhiệm xã hội riêng biệt với 74%, ngược lại 26% số doanh nghiệp trình bày những vấn đề về trách nhiệm xã hội trong báo cáo thường niên. Tuy nhiên, so với các quốc gia khác trong khu vực Châu Âu, tỷ lệ sử dụng hướng dẫn của GRI để lập báo cáo trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp tại Anh chỉ đạt 34%.

* *Kế toán TNXH tại Cộng đồng chung Châu Âu*

Khảo sát của KPMG (2017) hay các nghiên cứu gần đây cho thấy ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm đến việc lập và công bố các báo cáo trách nhiệm xã hội theo những chuẩn mực, hướng dẫn của một số tổ chức chuyên nghiệp khác nhau được thừa nhận rộng rãi tại nhiều các quốc gia trên thế giới như: Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI), ủy ban báo cáo tích hợp quốc tế (IIRC), Hội đồng chuẩn mực kế toán bền vững (SASB). Điều này đã dẫn đến việc áp dụng kế toán xã hội và môi trường gia tăng mạnh mẽ. Số lượng các doanh nghiệp ở Châu Âu thực hiện kế toán và công bố các báo cáo phát triển bền vững gia tăng đáng kể bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ ra rằng, trong giai đoạn đầu này, các báo cáo cơ bản có nhiều nội dung hay các chỉ tiêu không thống nhất, có những sự khác biệt vì các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, các yếu tố khác tạo ra sự không thống nhất trên các báo cáo ở các doanh nghiệp ở Châu Âu cũng được chỉ ra như sự khác biệt và ảnh hưởng của văn hóa, xã hội, bối cảnh chính trị.

Thực tế, sau một vài năm thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội, lập và trình bày báo cáo phi tài chính trên cơ sở sắc lệnh số 2014/95/EU và tuân thủ luật pháp quốc gia về báo cáo phi tài chính, kết quả khảo sát 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất trong khối liên minh Châu Âu cho thấy, các doanh nghiệp trong

phạm vi bắt buộc phải lập và công bố báo cáo phi tài chính đã tham gia thực hiện, tuân thủ ngày càng nhiều hơn (European Lab Project Task Force, 2021). Kết quả khảo sát và phân tích nội dung báo cáo phi tài chính của 1.000 doanh nghiệp cho thấy, các công ty niêm yết lớn nhất tại Châu Âu hiện tập trung thu thập, xử lý, lập và trình bày trên báo cáo phi tài chính những nhóm thông tin sau, (European Lab Project Task Force, 2021):

Thứ nhất, thông tin về môi trường được chia thành các nhóm thông tin gồm: Biến đổi khí hậu; Sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Chất thải gây ô nhiễm; Chất thải; Đa dạng sinh học và bảo tồn hệ sinh thái. Những thông tin được các doanh nghiệp thu thập, xử lý và báo cáo nhiều nhất gồm có: Lượng khí thải nhà kính, lượng nước sử dụng, mức năng lượng sử dụng và sự tiết kiệm.

Thứ hai, thông tin về Lao động và các vấn đề xã hội được trình bày theo hai nhóm thông tin Nhân viên và lực lượng lao động; và Các vấn đề xã hội. Kết quả nghiên cứu của Mayorova (2019), Waniak-Michalak và cộng sự (2016) cho thấy ngoài các chính sách, mục tiêu về các vấn đề lao động và xã hội, các DN chủ yếu trình bày các chỉ tiêu, như: tỷ lệ số vụ tai nạn lao động/số lượng lao động, tỷ lệ thu nhập bình quân của nữ/nam, tình hình luân chuyển lao động, tổng giá trị các khoản tài trợ, viện trợ, quyên góp ủng hộ các hoạt động nhân đạo. Bên cạnh đó, những thông tin khác cũng được đa số các doanh nghiệp trình bày trên báo cáo TNXH trong nhóm này như: sự tăng trưởng của lực lượng lao động, sự đa dạng lao động trong các loại hình công việc, lương của CEO so với bình quân của người lao động, các hoạt động đào tạo cung cấp cho người lao động, vấn đề chăm sóc an toàn sức khỏe của người lao động, mức độ hài lòng của người lao động.

Thứ ba, nhóm thông tin về Chống tham nhũng và các kênh tố giác tội phạm. Hầu hết các doanh nghiệp trình bày những thông tin nhóm này dưới dạng các chính sách, thảo luận về các biện pháp chống tham nhũng.

Thứ tư, quyền con người trình bày các thông tin được phân loại thành các nhóm: Tiêu chí báo cáo chung về nhân quyền; Quyền con người trong chuỗi cung ứng; Các lĩnh vực rủi ro cao đối với các quyền dân sự và chính trị; Tác động đến cộng đồng bản địa và địa phương; Tranh chấp nguồn lực; Bảo vệ dữ liệu. Phần lớn các DN trình bày các chính sách về quyền con người, trong khi số ít các doanh nghiệp báo cáo kết quả của các chính sách (26,2% trong số 1.000 DN công bố các KPIs liên quan đến quyền con người trong khi phần lớn còn lại cho rằng còn thiếu các phương pháp thích hợp để định lượng vấn đề này.

Cuối cùng là nhóm thông tin trình bày về Những tác động tích cực chung. Có tới hơn 90% các báo cáo TNXH của các DN bán lẻ khu vực Châu Âu trình bày thông tin về việc nhận diện và đánh giá rủi ro, các cuộc điều tra liên quan đến các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như những thông tin về sự ảnh

hường của sản phẩm và dịch vụ đến sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng (Mayorova, 2019).

Kết quả khảo sát việc thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội và CBTT trên các báo cáo liên quan cho thấy, hiện nay việc công bố báo cáo phi tài chính của các doanh nghiệp tại Châu Âu vẫn còn đang gặp phải nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất chính là việc sử dụng đa dạng các khuôn khổ, chuẩn mực, tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau để tham chiếu và làm cơ sở lập, trình bày thông tin về trách nhiệm xã hội trên báo cáo. Điều này đã tạo ra khó khăn lớn trong việc so sánh đặc biệt đối với các nhà đầu tư trong quá trình sử dụng, phân tích so sánh để đưa ra quyết định đầu tư. Bên cạnh đó, phần lớn những người sử dụng thông tin trên báo cáo phi tài chính được hỏi cho thấy, việc thiếu đi sự tiêu chuẩn hóa đối với một số thông tin trong báo cáo cũng là những khó khăn cho việc so sánh, đồng thời cũng tạo ra sự nhận thức, áp dụng thực hiện và trình bày khác nhau giữa các đơn vị, hay các doanh nghiệp ở các quốc gia khác nhau. Ví dụ như, các công ty của các quốc gia khu vực Bắc Âu có xu hướng nằm trong số các khu vực báo cáo nhiều thông tin cụ thể hơn các khu vực khác, trong khi các công ty tại các quốc gia khu vực Đông Âu thể hiện mức độ CBTT thấp. Hoặc đối với thông tin công bố về các chỉ tiêu thành quả quan trọng (KPIs) về khí thải nhà kính (GHS), tỷ lệ công bố ở các doanh nghiệp khảo sát ở Anh chiếm 47% trong khi bình quân của các doanh nghiệp toàn khu vực châu Âu là 30%.

2. Gợi ý các giải pháp nhằm nâng cao khả năng vận dụng Kế toán trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp Việt Nam

Việc vận dụng KTTNXH không chỉ giúp các DN củng cố tăng cường mối hợp tác với các bên có liên quan mà còn giúp các DN tăng cường quản lý rủi ro kinh doanh, nâng cao khả năng thích nghi trong môi trường thay đổi nhanh chóng và nâng cao vị thế cạnh tranh. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có mối liên hệ tích cực về mối tương quan giữa việc vận dụng KTTNXH và hiệu quả hoạt động dẫn đến việc gia tăng lợi nhuận DN. Trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, việc thiếu hoặc không công bố thông tin về phát triển bền vững có thể làm cho DN mất đi cơ hội hợp tác kinh doanh, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư có trách nhiệm với phát triển bền vững, đặc biệt là các nhà đầu tư quốc tế. Dựa vào các kết quả nghiên cứu ở trên về thực trạng và rào cản, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin cũng như khả năng áp dụng KTTNXH trong các DN Việt Nam niêm yết. Thứ nhất, đối với các DN Việt Nam niêm yết, về mặt đối nội cần tích cực tăng cường truyền thông nội bộ (thông qua các bảng tin nội bộ về các hoạt động từ thiện, tấm gương người tốt việc tốt, gương sáng trong lao động sản xuất về tiết kiệm nguyên vật liệu, các cuộc thi và giải thưởng về giải pháp xử lý chất thải thông minh ...). Bên cạnh đó

tận dụng tối đa tiện ích công nghệ để truyền tải thông tin trên website nhằm chuyên tải ý nghĩa về TNXH đến với các nhân viên trong công ty cũng như giúp họ nhận thức về vai trò của các hoạt động TNXH đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Để làm được điều này DN cần phải có bộ phận chuyên trách để tổng hợp cũng như phân tích thông tin về KTTNXH, từ đó có cơ sở để lập và cung cấp thông tin TNXH đầy đủ và đáng tin cậy. Ngoài ra về mặt đối ngoại, các DN nên trình bày song ngữ Anh - Việt các nội dung không chỉ trên website của mình mà ngay cả các loại báo cáo bền vững hoặc báo cáo thường niên nên nhằm thu hút nhiều hơn sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, cả tổ chức lẫn nhà đầu tư cá nhân. Thứ hai, đối với các cơ quan ban ngành có liên quan, bên cạnh tài liệu hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dựa theo khung Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) chỉ phù hợp với các tập đoàn, DN quy mô lớn thì Bộ Tài chính cần ban hành sớm và chi tiết các hướng dẫn cụ thể để DN có cơ sở triển khai KTTNXH. Và quá trình triển khai vận dụng KTTNXH cần có lộ trình cụ thể, giai đoạn đầu cần có những ưu đãi nhất định để khuyến khích các DN thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội. Tuy nhiên sau đó bắt buộc triển khai và có các biện pháp chế tài đối với các DN cố tình không công bố thông tin về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội, đặc biệt là đối với các DN hoạt động trong các lĩnh vực có thể gây ra tác động xấu, gây hại trực tiếp đến môi trường. Thứ ba, đối với trường đại học và các tổ chức xã hội đào tạo nghề nghiệp khác cùng đồng hành và sớm có định hướng đào tạo lực lượng lao động đủ khả năng đảm trách công việc KTTNXH nhằm mang lại lợi ích không những cho các bên có liên quan mà còn cho chính DN, cho cả nền kinh tế, cộng đồng và môi trường. Các trường đại học khối ngành kinh tế (đặc biệt là khoa kế toán, kiểm toán) cần phải đưa nội dung TNXH của DN, KTTNXH, báo cáo phát triển bền vững... vào trong chương trình đào tạo ở các bậc học phù hợp theo lộ trình. Từ đó dần dần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của DN, cũng như tạo ra một tầng lớp các nhà quản trị có tâm và có đủ năng lực để giúp nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững trong suốt quá trình hội nhập và phát triển.

Tài liệu tham khảo:

- Capron, M., & Quairel-Lanoizelee, F. (2009). *The European challenge of corporate social responsibility: A comparative study of French and German companies*. Palgrave Macmillan.
- Deegan, C. (2019). *Financial Accounting Theory* (5th ed.). Cengage Learning Australia
- Mayorova, E. A. (2019). Corporate social responsibility disclosure: evidence from the European retail sector. *Entrepreneurship and Sustainability Issues*, 7(2), 891-905.
- Habek, P., & Wolniak, R. (2016). Assessing the quality of corporate social responsibility reports: the case of reporting practices in selected European Union member states. *Quality & Quantity*, 50(1), 339-420
- Hohnen, P. (2007). *Corporate Social Responsibility: An Implementation Guide for Business*. International Institute for Sustainable Development.
- KPMG. (2017). *The KPMG Survey of Corporate Responsibility Reporting 2017*.
- KPMG InternationalPhạm Văn Đức. (2010). Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách. *Tạp chí Triết học*
- Sustainability Accounting Standards Board. (2018). *SASB Standard: Airlines*. IFRS Foundation
- Sprinkle, G. B., & Maines, L. A. (2010). The effects of incentives on firms' accounting and control decisions. *Working paper, The Pennsylvania State University*
- Waniak-Michalak, H., & Michalak, J. (2016). Corporate and NGOs' Voluntary Disclosure on Collaboration. *Evidence from Poland. Inżynieria Ekonomiczna*, 27(1), 98-108